Họ và tên : …… Thứ ……. ngày…. tháng… năm ……

Lớp: 4

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

(Thời gian: 35 phút)

Điểm	**Nhận xét của Thầy Cô** …… ……	*Giáo viên chấm* *(Kí và ghi rõ họ tên)*

I. Trắc nghiệm ***(4 điểm)***

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng *(4 điểm)*

a) Kết quả của phép tính 4860 : 15 là:

A. 323 B. 324 C. 325 D. 326

b) Tích của 3 415 và 54 là:

A. 30735 B. 184 510 C. 185 410 D. 184 410

c) Trong một tổ có 5 bạn trai và 6 bạn gái, tỉ số của số bạn trai và số bạn của gái là:

A. $\frac{5}{6}$ B. $\frac{6}{11}$ C. $\frac{5}{11}$ D. $\frac{6}{5}$

d) Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 100 000, độ dài 1cm tương ứng với độ dài thật là:

A. 1000m B. 10 000cm C. 100 000dm D. 1 000 000cm

e) Độ dài thật là 2km thì ứng với độ dài trên bản đồ tỉ lệ 1 : 20000 là:

A. 1m B. 4dm C. 1dm D. 40m

f) Cho: 3km^2 5m^2 …… 35 000 000 m^2 . Dấu (> , < , =) thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. > B. < C. =

g) Diện tích hình thoi có độ dài các đường chéo lần lượt là 40dm và 15dm là:

A. 60m^2 B. 300dm^2 C. 600dm^2 D. 300dm

h) Một người đã bán được 280 quả cam và quýt, trong đó số cam bằng $\frac{2}{5}$ số quýt. Số quýt đã bán là:

A. 40 quả B. 80 quả C. 160 quả D. 200 quả

BUTVANG.VN

II. Tự luận *(6 điểm)*

1. Tính giá trị biểu thức: *(2 điểm)*

a) $\frac{9}{5}+\frac{6}{7}=$ .....

b) $\frac{5}{7}-\frac{11}{21}=$.....

c) $\frac{11}{22}\times\frac{4}{11}=$ .....

d) $\frac{13}{15}:\frac{6}{5}=$ .....

2.Tìm *x*, biết: *(1,5 điểm)*

a) $x-\frac{3}{8}=1-\frac{1}{6}$

.....

.....

.....

b) $x:\frac{3}{7}=\frac{4}{9}$

.....

.....

.....

3. Mẹ hơn con 25 tuổi. Tuổi của con bằng $\frac{2}{7}$ tuổi của mẹ. Tính tuổi mỗi người. *(2 điểm)*

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BUTVANG.VN

4. Tính nhanh: $\frac{1}{2}+\frac{1}{4}+\frac{1}{8}+\frac{1}{16}+\frac{1}{32}+\frac{1}{64}$ *(0,5 điểm)*

.....

.....

.....

.....

BUTVANG.VN

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

I. Trắc nghiệm *(4 điểm)*

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (4 điểm)

a) B	b) D	c) A	d) A	e) C	f) B	g) B	h) D
0,5 điểm	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*

II. Tự luận *(6 điểm)*

1. Tính giá trị biểu thức: *(2 điểm)*

a) $\frac{9}{5}+\frac{6}{7}=\frac{63}{35}+\frac{30}{35}=\frac{93}{35}$

b) $\frac{5}{7}-\frac{11}{21}=\frac{15}{21}-\frac{11}{21}=\frac{4}{21}$

c) $\frac{11}{22}\times\frac{4}{11}=\frac{11\times4}{22\times11}=\frac{4}{22}=\frac{2}{11}$

d) $\frac{13}{15}:\frac{6}{5}=\frac{13}{15}\times\frac{5}{6}=\frac{13\times5}{15\times6}=\frac{13}{18}$

2.Tìm *x*, biết: *(1,5 điểm) Ý a 1 điểm, ý b 0,5 điểm.*

a) $x-\frac{3}{8}=1-\frac{1}{6}$

$x-\frac{3}{8}=\frac{5}{6}$

$x=\frac{5}{6}+\frac{3}{8}$

$x=\frac{29}{24}$

b) $x:\frac{3}{7}=\frac{4}{9}$

$x=\frac{4}{9}\times\frac{3}{7}$

$x=\frac{4}{21}$

3.

Bài giải

Theo đề bài, ta có sơ đồ:

Tuổi con:

Tuổi mẹ:

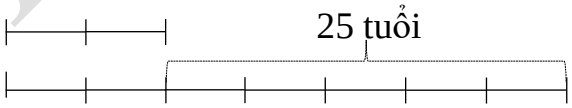

0,5 điểm

Hiệu số phần bằng nhau là: *0,25 điểm*

7 – 2 = 5 (phần)

Tuổi con là:

BUTVANG.VN

(25 : 5) × 2 = 10 (tuổi) *0,5 điểm*

Tuổi mẹ là:

10 + 25 = 35 (tuổi) *0,5 điểm*

Đáp số: Con: 10 tuổi *0,25 điểm*

Mẹ: 35 tuổi

4. Tính nhanh: A = $\frac{1}{2}+\frac{1}{4}+\frac{1}{8}+\frac{1}{16}+\frac{1}{32}+\frac{1}{64}$ *(0,5 điểm)*

$$A = \frac{1}{2}+\frac{1}{4}+\frac{1}{8}+\frac{1}{16}+\frac{1}{32}+\frac{1}{64}$$

$$= \left(1-\frac{1}{2}\right)+\left(\frac{1}{2}-\frac{1}{4}\right)+\left(\frac{1}{4}-\frac{1}{8}\right)+\left(\frac{1}{8}-\frac{1}{16}\right)+\left(\frac{1}{16}-\frac{1}{32}\right)+\left(\frac{1}{32}-\frac{1}{64}\right)$$

$$= 1-\frac{1}{2}+\frac{1}{2}-\frac{1}{4}+\frac{1}{4}-\frac{1}{8}+\frac{1}{8}-\frac{1}{16}+\frac{1}{16}-\frac{1}{32}+\frac{1}{32}-\frac{1}{64}$$

$$= 1-\frac{1}{64}$$

$$= \frac{63}{64}$$

BUTVANG.VN

Họ và tên : …… Thứ ……. ngày…. tháng… năm ……

Lớp: 4

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

(Thời gian: 35 phút)

Điểm	**Nhận xét của Thầy Cô** …… ……	*Giáo viên chấm* *(Kí và ghi rõ họ tên)*

I. Trắc nghiệm ***(4 điểm)***

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng *(4 điểm)*

a) Số vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 5 là:

A. 6800 B. 571 C. 930 D. 268

b) Tích của 8763 và 36 là:

A. 325458 B. 78678 C.78867 D. 315468

c) Có 3 bút bi xanh và 7 bút bi đỏ. Tỉ số của số bút bi xanh với tổng số bút là:

A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{7}{10}$ C. $\frac{3}{7}$ D. $\frac{7}{3}$

d) Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2000 000, độ dài quãng đường AB là 1dm. Độ dài thực tế của quãng đường AB là:

A. 2 000 000m B. 2000 000cm C. 20 000 000dm D. 200km

e) Một đàn gà có tất cả 1500 con. Vậy $\frac{4}{5}$ số gà đó là:

A. 300 con gà B. 350 con gà C. 1200 con gà D. 1750 con gà

f) Số thích hợp để điền vào chỗ chấm : **$2m^2$ $70cm^2$ = ……cm^2** là:

A. 2 070 B. 270 C. 27 000 D. 20 070

g) Diện tích hình thoi có độ dài các đường chéo lần lượt là 4m và 25dm là:

A. $100m^2$ B. $50m^2$ C. $1000dm^2$ D. $500dm^2$

h) Một cửa hàng buổi sáng bán được 235kg gạo. Trong đó, số gạo tẻ bằng $\frac{2}{3}$ số gạo nếp. Số gạo tẻ đã bán là:

A. 47kg B. 94kg C. 141kg D. 188kg

BUTVANG.VN

II. Tự luận ***(6 điểm)***

1. Tính giá trị biểu thức: *(2 điểm)*

a) $\frac{7}{8}+\frac{6}{7}=$ .....

b) $\frac{6}{5}-\frac{13}{20}=$ .....

c) $\frac{12}{17}\times\frac{5}{6}=$ .....

d) $\frac{9}{4}:3=$ .....

2. Tìm *x*, biết: *(1,5 điểm)*

a) $x-\frac{5}{9}=1-\frac{2}{3}$

.....

.....

.....

b) $x:\frac{7}{8}=\frac{4}{5}$

.....

.....

.....

3. Bố hơn con 35 tuổi. Tuổi của con bằng $\frac{2}{7}$ tuổi của bố. Tính tuổi mỗi người. *(2 điểm)*

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Tính nhanh: $\frac{1}{2}+\frac{1}{4}+\frac{1}{8}+\frac{1}{16}+\frac{1}{32}+\frac{1}{64}$ *(0,5 điểm)*

.....

.....

.....

BUTVANG.VN

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

I. Trắc nghiệm *(4 điểm)*

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (4 điểm)

a) A	b) D	c) A	d) A	e) C	f) D	g) D	h) B
0,5 điểm	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*

II. Tự luận *(6 điểm)*

1. Tính giá trị biểu thức: *(2 điểm)*

a) $\frac{9}{5}+\frac{6}{7}=\frac{63}{35}+\frac{30}{35}=\frac{93}{35}$

b) $\frac{5}{7}-\frac{11}{21}=\frac{15}{21}-\frac{11}{21}=\frac{4}{21}$

c) $\frac{11}{22}\times\frac{4}{11}=\frac{11\times4}{22\times11}=\frac{4}{22}=\frac{2}{11}$

d) $\frac{13}{15}:\frac{6}{5}=\frac{13}{15}\times\frac{5}{6}=\frac{13\times5}{15\times6}=\frac{13}{18}$

2.Tìm *x*, biết: *(1,5 điểm) Ý a 1 điểm, ý b 0,5 điểm.*

a) $x-\frac{3}{8}=1-\frac{1}{6}$

$x-\frac{3}{8}=\frac{5}{6}$

$x=\frac{5}{6}+\frac{3}{8}$

$x=\frac{29}{24}$

b) $x:\frac{3}{7}=\frac{4}{9}$

$x=\frac{4}{9}\times\frac{3}{7}$

$x=\frac{4}{21}$

3.

Bài giải

Theo đề bài, ta có sơ đồ:

Tuổi con:

Tuổi bố:

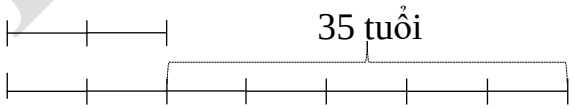

0,5 điểm

Hiệu số phần bằng nhau là: *0,25 điểm*

7 – 2 = 5 (phần)

Tuổi con là:

BUTVANG.VN

(35 : 5) × 2 = 14 (tuổi) *0,5 điểm*

Tuổi bố là:

14 + 35 = 49 (tuổi) *0,5 điểm*

Đáp số: Con: 14 tuổi *0,25 điểm*

Bố: 49 tuổi

4. Tính nhanh: A = $\frac{1}{2}+\frac{1}{4}+\frac{1}{8}+\frac{1}{16}+\frac{1}{32}+\frac{1}{64}$ *(0,5 điểm)*

$$A = \frac{1}{2}+\frac{1}{4}+\frac{1}{8}+\frac{1}{16}+\frac{1}{32}+\frac{1}{64}$$

$$= \left(1-\frac{1}{2}\right)+\left(\frac{1}{2}-\frac{1}{4}\right)+\left(\frac{1}{4}-\frac{1}{8}\right)+\left(\frac{1}{8}-\frac{1}{16}\right)+\left(\frac{1}{16}-\frac{1}{32}\right)+\left(\frac{1}{32}-\frac{1}{64}\right)$$

$$= 1-\frac{1}{2}+\frac{1}{2}-\frac{1}{4}+\frac{1}{4}-\frac{1}{8}+\frac{1}{8}-\frac{1}{16}+\frac{1}{16}-\frac{1}{32}+\frac{1}{32}-\frac{1}{64}$$

$$= 1-\frac{1}{64}$$

$$= \frac{63}{64}$$

BUTVANG.VN

BUT VANG

Họ và tên : …… Thứ ……. ngày…. tháng… năm ……

Lớp: 4

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

(Thời gian: 35 phút)

Điểm	**Nhận xét của Thầy Cô** …… ……	*Giáo viên chấm* *(Kí và ghi rõ họ tên)*

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM.

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Phân số bằng phân số $\frac{4}{7}$ là (0,5 điểm)

A. $\frac{5}{14}$ B. $\frac{5}{7}$ C. $\frac{6}{8}$ D. $\frac{12}{21}$

Câu 2. Phân số nào đây là phân số tối giản: (0,5 điểm)

A. $\frac{4}{6}$ B. $\frac{5}{7}$ C. $\frac{6}{18}$ C. $\frac{8}{14}$

Câu 3. Hình vuông có cạnh 12cm. Vậy diện hình vuông là: (0,5 điểm)

A. 72 cm^2 B. 104 m C. 144 cm^2 D. 48 cm^2

Câu 4. Số nào vừa chia hết cho 3, vừa chia hết cho 5 là: (0,5 điểm)

A. 753 B. 573 C. 375 D. 357

Câu 5. 4 giờ 24 phút = ... phút. (0,5 điểm)

A. 30 phút B. 342 phút C. 264 phút D. 240 phút

Câu 6. Cho các phân số $\frac{1}{2}, \frac{5}{6}, \frac{7}{12}$. Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn (0,5 điểm)

A. $\frac{1}{2}, \frac{7}{12}, \frac{5}{6}$ B. $\frac{1}{2}, \frac{5}{6}, \frac{7}{12}$ C. $\frac{5}{6}, \frac{7}{12}, \frac{1}{2}$ D. $\frac{7}{12}, \frac{1}{2}, \frac{5}{6}$

BUTVANG.VN

PHẦN II: TỰ LUẬN.

Bài 1. Tính (2 điểm)

a) $\frac{3}{5} + \frac{4}{15}$ =……..

=……..

b) $\frac{15}{7} - \frac{5}{3}$=……..

=……..

c) $\frac{3}{4} \times \frac{5}{7}$ =……..

=……..

d) $\frac{2}{5} : \frac{7}{3}$ =……..

=……..

Bài 2. (2 điểm) Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 125cm, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

Tính chiều dài và rộng của chữ nhật đó?

Bài giải

Bài 3. Hiệu của hai số là số lớn nhất có hai chữ số. Số bé bằng $\frac{4}{7}$ số lớn .

Tìm 2 số đó?

Bài giải

BUTVANG.VN

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Tính giá trị của biểu thức: (1 điểm)

1001 + 305 × 52 =…….

=……..

BUTVANG.VN

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

1) D	2) B	3) C	4) C	5) C	6) A
0,5 điểm	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*	*0,5 điểm*

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1.

a, $\frac{3}{5}+\frac{4}{15}=\frac{9}{15}+\frac{4}{15}=\frac{13}{15}$

b, $\frac{15}{7}-\frac{5}{3}=\frac{45}{21}-\frac{35}{21}=\frac{10}{21}$

c, $\frac{3}{4}\times\frac{5}{7}=\frac{15}{28}$

d, $\frac{2}{5}:\frac{7}{3}=\frac{2}{5}\times\frac{3}{7}=\frac{6}{35}$

Bài 2.

Tổng số phần bằng nhau là
2 + 3 = 5 (phần) } 0,5đ

Chiều rộng hình chữ nhật là
125 : 5 x 2 = 50 (cm) } 0,5đ

Chiều dài hình chữ nhật là
125 : 5 x 5 = 75 (cm) } 0,5đ

Đáp số: Chiều rộng: 50cm
Chiều dài: 75cm } 0,5đ

Bài 3:

Số lớn nhất có hai chữ số là 99. Vậy hiệu của 2 số đó là 99 (0.25đ)

Hiệu số phần bằng nhau: 7 – 4 = 3 (phần) (0,25 đ)

Số lớn là:
99 : 3 × 7 = 231 } 0,25đ

Số bé là }

BUTVANG.VN

231 – 99 = 132 0,25đ

Đáp số: Số bé: 132

Số lớn: 231

Bài 4.

1001 + 305 × 52 = 1001 + 15860 (0,5đ)

= 16861 (0,5đ)

BUTVANG.VN

Họ và tên : …… Thứ ……. ngày…. tháng… năm ……

Lớp: 4

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

(Thời gian: 35 phút)

Điểm	**Nhận xét của Thầy Cô** …… ……	*Giáo viên chấm* *(Kí và ghi rõ họ tên)*

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM.

Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số *"Hai trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi"* được viết là:

A. 281 870 B. 281 780 C. 218 780 D. 128 780

Câu 2. Rút gọn phân số $\frac{12}{28}$ ta được kết quả là:

A. $\frac{6}{12}$ B. $\frac{2}{8}$ C. $\frac{3}{7}$ D. $\frac{4}{8}$

Câu 3. Phép chia 43 659 : 63 có thương là:

A. 596 B. 639 C. 693 D. 722

Câu 4. Số thích hợp lần lượt điền vào chỗ chấm của 73 038g =….kg…..g là:

A. 73; 38 B. 7; 3038 C. 73; 83 D. 7303; 8

Câu 5: Trong khoảng thời gian sau, khoảng thời gian nào dài nhất:

A. 85 phút B. 2 giờ 5 phút C. 1 giờ 5 phút D. 128 phút

Câu 6. Nửa chu vi của một hình chữ nhật là 24cm. Nếu chiều dài là 15cm thì diện tích của hình chữ nhật là:

A. 24 cm^2 B. 126 cm^2 C. 135 cm^2 D.720 cm^2

BUTVANG.VN

PHẦN II: TỰ LUẬN.

Câu 1: Tìm *x* biết:

a. $\frac{2}{3} + x = \frac{7}{6}$;

b. $\frac{3}{4} \times x = \frac{9}{2}$;

……. ……

……. ……

……. ……

Câu 2: Tính :

a. $\frac{4}{3} + \frac{5}{6}$;

c. $\frac{5}{4} \times 4$;

……. ……

……. ……

……. ……

b. $\frac{6}{5} - \frac{4}{9}$;

d. $\frac{2}{5} : \frac{3}{5}$;

……. ……

……. ……

……. ……

……. ……

……. ……

Câu 3.

Một trường học có tất cả 405 học sinh. Biết số học sinh nữ của trường đó bằng $\frac{2}{3}$ số học sinh nam.

Tính số học sinh nữ, số học sinh nam của trường học đó?

Bài giải

BUTVANG.VN

Câu 4:

Thửa ruộng thứ nhất thu hoạch được 1070 ki-lô-gam thóc. Thửa ruộng thứ hai thu hoạch được nhiều hơn thửa ruộng thứ nhất 386 ki-lô-gam thóc. Hỏi trung bình mỗi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Bài giải

BUTVANG.VN

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	
Đáp án	B	C	C	A	D	C	

B. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1: *(1 điểm)*. Đúng mỗi câu được 0,5 điểm.

a. $x = \frac{7}{6} - \frac{2}{3}$;

$x = \frac{3}{6} = \frac{1}{2}$;

b. $x = \frac{9}{2} : \frac{3}{4}$;

$x = \frac{36}{6} = 6$;

Câu 2: *(2 điểm)*. Đúng mỗi câu được 0,5 điểm. Kết quả là:

a. $\frac{3}{4} + \frac{5}{6}$

$= \frac{18}{24} + \frac{20}{24} = \frac{38}{24} = \frac{19}{12}$

b. $\frac{6}{5} - \frac{4}{9}$

$= \frac{54}{45} - \frac{20}{45} = \frac{34}{45}$

c. $\frac{5}{4} \times 4 = \frac{5 \times 4}{4} = \frac{20}{4} = 5$;

d. $\frac{2}{5} : \frac{3}{5} = \frac{2}{5} \times \frac{5}{3} = \frac{10}{15} = \frac{2}{3}$

Câu 3:

Theo bài ra ta có sơ đồ:

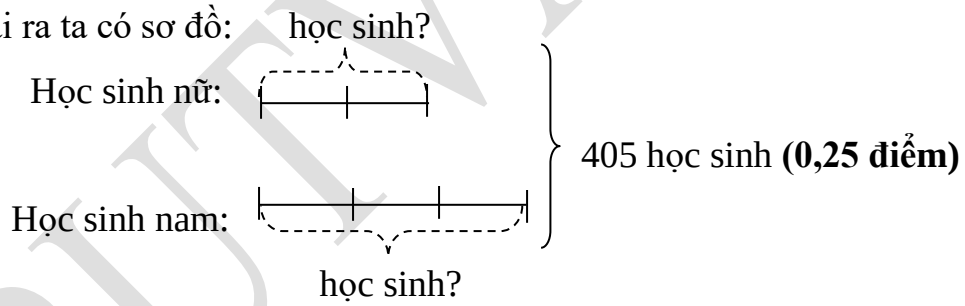

Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

2 + 3 = 5 (phần) **(0,25 điểm)**

Số học sinh nữ của trường học đó là:

405 : 5 × 2 = 162 (học sinh) **(0,25 điểm)**

Số học sinh nam của trường học đó là:

405 – 162 = 243 (học sinh) **(0,25 điểm)**

Đáp số: nữ: 162 học sinh; nam: 243 học sinh

Câu 4:

BUTVANG.VN

Thửa ruộng thứ hai thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là:

1070 + 386 = 1456 (kg) **(0,5 điểm)**

Trung bình mỗi thửa ruộng thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là:

(1070 + 1456) : 2 = 1263 (kg) **(0,25 điểm)**

Đáp số: 1263 kg thóc **(0,25 điểm)**

BUTVANG.VN

Họ và tên : …… Thứ ……. ngày…. tháng… năm ……

Lớp: 4

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

(Thời gian: 35 phút)

Điểm	**Nhận xét của Thầy Cô** …… ……	*Giáo viên chấm* *(Kí và ghi rõ họ tên)*

I. Trắc nghiệm

Câu 1: *Rút gọn phân số* $\frac{36}{54}$ *ta được phân số tối giản nào dưới đây?*

A. $\frac{18}{27}$ B. $\frac{12}{18}$ C. $\frac{4}{6}$ D. $\frac{2}{3}$

Câu 2: *Số nào thích hợp điền vào chỗ chấm?*

$\frac{24}{30} = \frac{...}{5}$

A. 15 C. 4

B. 21 D. 5

Câu 3:

Bản đồ sân vận động vẽ theo tỉ lệ 1: 1000. Hỏi độ dài 1mm trên bản đồ này ứng với độ dài thật là bao nhiêu mét?

A. 1000m B. 1 000km C. 10m D. 1m

Câu 4: Có 3 viên bi màu xanh và 7 viên bi màu đỏ. Vậy tỉ số của số viên bi màu xanh so với viên bi màu đỏ là:

A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{7}{10}$ C. $\frac{3}{7}$ D. $\frac{7}{3}$

BUTVANG.VN

II. Tự luận

Câu 1: *(1đ)*: *Tính*

a) $\frac{1}{2}+\frac{2}{5}=$ ..... b) $\frac{3}{4}-\frac{2}{3}=$ .....

Câu 2: *(1đ): Đặt tính rồi tính:*

a) 27 585 + 485 396 b) 218 152 : 536

……

……

……

……

Câu 3: *(1đ): Tìm x :*

a) $\frac{2}{5}+x=4$ b) $\frac{8}{7}$: x = $\frac{4}{5}$

……

……

Câu 4: *(1 điểm)*: *Điền số thích hợp vào chỗ chấm:*

a) $\frac{1}{2}$ km^2 = ... m^2 c) 1 tấn $\frac{1}{4}$ tạ = ... kg

Câu 5: *(2đ)*: Trung bình cộng tuổi anh và tuổi em là 12 tuổi. Biết anh 15 tuổi. Hỏi em bao nhiêu tuổi?

Bài giải

……

……

……

……

……

……

Câu 6: *(2đ)*: Một sân trường hình chữ nhật có nửa chu vi là 125m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích sân trường đó?

Bài giải

BUTVANG.VN

……

……

……

……

……

……

BUTVANG.VN

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: *D*

Câu 2: C

Câu 3: *D*

Câu 4: *C*

II. TỰ LUẬN

Câu 1: *(1 điểm)*: **Mỗi câu đúng: 0,5 điểm.**

a) $\frac{1}{2}+\frac{2}{5}=\frac{5}{10}+\frac{4}{10}=\frac{9}{10}$ b) $\frac{3}{4}-\frac{2}{3}=\frac{9}{12}-\frac{8}{12}=\frac{1}{12}$

Câu 2: *(1đ)*: **Mỗi phép tính đặt tính và tính đúng: 0,5 điểm.**

a) 27 585 + 485 396

```
   27 585
+
  485 396
  -------
  512 981
```

b) 218 152 : 536

```
218 152 | 536
-------
 03 752 | 407
    000
```

Câu 3: *(1đ)*: **Mỗi câu đúng: 0,5 điểm.**

a) $\frac{2}{5}+x=4$

$x=4-\frac{2}{5}$

$x=\frac{18}{5}$

b) $\frac{8}{7}$: x = $\frac{4}{5}$

$x=\frac{8}{7}:\frac{4}{5}$

$x=\frac{10}{7}$

Câu 4: *(1điểm)*: **Mỗi chỗ chấm điền đúng: 0,5 điểm.**

a) $\frac{1}{2}$ km^2 = 500 000m^2 c) 1 tấn $\frac{1}{4}$ tạ = 1 025kg

Câu 5: *(1đ)*: Trung bình cộng tuổi anh và tuổi em là 12 tuổi. Biết anh 15 tuổi. Hỏi em bao nhiêu tuổi?

Tổng số tuổi của hai anh em là: 12 × 2 = 24 (tuổi)	*0,5 điểm*
Tuổi của em là: 24 – 15 = 9 (tuổi) Đáp số: 9 tuổi	*0,5 điểm*

BUTVANG.VN

<u>Câu 6</u>: *(1đ)***:** Một sân trường hình chữ nhật có nửa chu vi là 125m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích sân trường đó?

Ta có sơ đồ: ?m Chiều rộng: |----|----| Chiều dài: |----|----|----| } 125m ?m	*0,25 điểm*
Theo sơ đồ ta có tổng số phần bằng nhau là: 2 + 3 = 5 (phần) Giá trị của 1 phần là : 125 : 5 = 25 (m) Chiều rộng sân trường đó là: 125 : 5 × 2 = 50 (m) Chiều dài sân trường đó là: 125 – 50 = 75 (m)	*0,5 điểm*
Diện tích sân trường đó là: 75 × 50 = 3 750 (m^2) Đáp số: 3 750m^2	*0,25 điểm*

BUTVANG.VN